

**CÔNG TY TNHH NEW MEDIA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NEW MEDIA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEW MEDIA VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108145561

**3. Ngày thành lập:** 24/01/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6A ngõ 76 Trần Thái tông, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888906090

Fax:

Email: [ctcptruyenthongmoi@gmail.com](mailto:ctcptruyenthongmoi@gmail.com) Website:  
m

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                                                                           | 6329     |
| 2.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang Web                                                                                          | 6311     |
| 3.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch;<br>- Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);<br>- Tư vấn về nông học;<br>- Tư vấn về môi trường;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;                                       | 7490     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng điện lạnh, điện tử.                                                                                                                                                                                                                                | 4649     |
| 5.  | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0130     |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn điện thoại di động và linh kiện, thiết bị camera quan sát, báo động điện tử, máy fax, tổng đài điện thoại nội bộ, máy móc thiết bị thu thanh thu hình, ăng-ten parabol, truyền hình cáp, thu hình kỹ thuật số, truyền hình vệ tinh DTH. | 4652     |
| 7.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                         | 5911     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0161 |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8230 |
| 10. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559 |
| 11. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>+ Tư vấn giáo dục,<br>+ Tư vấn du học,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                                                                                                                                                                                             | 8560 |
| 12. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7320 |
| 13. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(có nội dung được phép lưu hành)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4761 |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410 |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn nguyên vật liệu ngành quảng cáo; Bán buôn sản phẩm ngành quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669 |
| 16. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1812 |
| 17. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết: Dịch vụ chụp hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7420 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299 |
| 19. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5912 |

|     |                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Đại lý vé máy bay, tàu hỏa.                                                                                                                              | 5229        |
| 21. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Trừ hoạt động báo chí                                                                                                                                                                         | 6312        |
| 22. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                         | 5820        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                               | 0162        |
| 24. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                  | 8219        |
| 25. | In ấn                                                                                                                                                                                                                     | 1811        |
| 26. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Làm các chiến dịch quảng cáo và những dịch vụ quảng cáo khác có mục đích thu hút và duy trì khách hàng như: khuyến khích quảng cáo; marketing điểm bán; quảng cáo thư trực tuyến; tư vấn marketing | 7310(Chính) |
| 27. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc                                                                                                                                                                                      | 5920        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN VĂN TÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033091001583

Ngày cấp: 05/10/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, Xã Đức Hợp, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 10, Xã Đức Hợp, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033091001583

Ngày cấp: 05/10/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, Xã Đức Hợp, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 10, Xã Đức Hợp, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội